

## BƯỚC ĐƯỜNG HỘI NHẬP VĂN HÓA DÂN TỘC CỦA CÔNG GIÁO VIỆT NAM

NGUYỄN HỒNG DƯƠNG<sup>(\*)</sup>

Đối thoại, tìm cách hội nhập với văn hóa dân tộc Việt Nam mà tôn giáo là một bộ phận, hiện là vấn đề được Giáo hội Công giáo Việt Nam đang quan tâm. Trước Công đồng Vatican II (1962 - 1965) xét trên góc độ quan phương, vấn đề hội nhập đã không được đặt ra. Vậy kể từ thời điểm đó trở về trước, Giáo hội Công giáo Việt Nam có hay không có sự hội nhập với văn hóa dân tộc và với các tôn giáo truyền thống ?

Theo quan niệm của Vatican, Việt Nam là một xứ truyền giáo, mà "tại các nước trước đây gọi là truyền giáo thì nền thần học nhập cảng từ nước mẹ phương Tây không những chỉ lặp lại một lối thần học từ chương, diễn dịch, nhằm giải nổi luân lí, mà còn xa lạ, thù nghịch với cuộc sống, văn hóa và các tín tưởng tôn giáo địa phương bản xứ"<sup>(1)</sup>. A. D. Rhodes, người được đánh giá là có những hoạt động đóng góp vào văn hóa Việt Nam qua sự nghiệp sáng tạo ra chữ quốc ngữ, nhưng lại có những hiểu biết xa lạ về các tôn giáo Việt Nam đương thời. Trong cuốn *Phép giảng tám ngày*, ngày thứ IV, A. D. Rhodes viết: "Đàng thứ nhất là đàng về kẻ hay chữ, gọi là đạo Nho. Đàng thứ hai là đàng kẻ thờ quỷ, mà làm việc dối, gọi là đạo Đạo. Đàng thứ ba là kẻ thờ Bụt, gọi là đạo Bụt. Sự đàng sau này bởi nước India mà ra, thì ta nói trước. Ta suy bởi đâu mà ra, thì một chốc ta biết là đạo gian"<sup>(2)</sup>. *Phép giảng tám ngày* là nhãn quan chính thống, là tài liệu cho các thừa sai ngoại quốc dùng để truyền giáo, phát triển

đạo Công giáo tại Việt Nam. Cách nhìn ấy được duy trì hàng trăm năm, thậm chí kéo dài cho đến tận Công đồng Vatican II và còn giữ lại ở một số người đến hiện nay. Từ cách nhìn đó, các thừa sai cho rằng chỉ có Công giáo là tôn giáo duy nhất đem lại sự giải thoát, cứu độ cho con người. Nên nếu nhập đạo, con chiên phải từ bỏ các đạo khác. Đối với đạo Phật, đạo Công giáo đến nay vẫn không chấp nhận, tuy có làm lơ cho số ít con chiên đi lễ chùa. Lại thêm, cũng ít thấy có cuộc tranh luận giữa hai đạo trên cơ sở lí luận, có chăng trong thời kì thuộc Pháp hay trong cuộc kháng chiến chống Mỹ với cuộc biểu tình chống chế độ Mỹ - Diệm ưu ái đạo Công giáo.

Đặc biệt nổi lên là vấn đề thờ cúng tổ tiên. Trong *Phép giảng tám ngày*, ngày thứ IV, A. D. Rhodes đã đả phá các tôn giáo khác cũng như đạo thờ Tổ tiên.<sup>(3)</sup>

Trong quá trình truyền giáo, phát triển đạo, sợ tín đồ "rối đạo" các thừa sai đã lo gián tòng lương giáo, lập ra những làng Công giáo, khu biệt cộng đồng cư dân trong một thế giới riêng khi sống cũng như khi qua đời<sup>(4)</sup>. Công giáo cấm linh mục, giáo dân tham dự nghi lễ của

\*. PTS, Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. *Làm thần học từ lòng dân tộc*. Tuyển tập thần học năm 1992. UBĐK Công giáo TP. Hồ Chí Minh. Bản in ronéo, tr. 18.

2. A. D. Rhodes. *Phép giảng tám ngày*. UBĐK Công giáo TP. Hồ Chí Minh, 1993, tr. 104 - 105.

3. Xem: *Phép giảng tám ngày*, Sđd, tr. 105.

4. Người Công giáo khi qua đời chôn cất ở nghĩa địa riêng gọi là Vườn thánh hay Đất thánh.

các tôn giáo truyền thống, không được xem chèo, hát,<sup>(5)</sup> không được dự hội làng, không được ăn cỗ với người ngoại đạo, không được đi "đưa ma" kẻ ngoại đạo<sup>(6)</sup>, không được học văn hóa với người ngoại đạo. "Toà thánh đã truyền chẳng những là phải lập tràng đạo, mà phải liệu cho trẻ con học Nho, học thuốc với người có đạo, kéo học với thầy ngoại đạo, phần vì liệu mình mắc rối, phần thì đi lại làm quen với kẻ ngoại đạo, thì thường học những sự tội cùng nghe nói khoe về đàng đối trá, về sự thờ bụt thần, sự cúng ông bà, ông vải, hóa ra lòng mình dần dần hướng chiều về những sự ấy cùng tin đông dài, mỗ mả đất cát và các việc đối trá ma quỷ bày đặt cho được lừa dối người ta hư đi mà sa địa ngục"<sup>(7)</sup>... Hình thức khu biệt cư dân trong một làng, một xóm Công giáo riêng, ngăn cấm, cách li họ với người ngoại đạo, cộng đồng cư dân theo đạo Công giáo sống trong các làng Công giáo, vì vậy trở nên biệt lập với xã hội.

Chính sách cấm đạo Công giáo truyền bá, phát triển tại Việt Nam của nhà nước phong kiến Lê - Trịnh, sau đó là nhà Nguyễn dựa trên một số nguyên nhân, trong đó có một nguyên nhân quan trọng ít được phân tích, đó là Công giáo đi ngược với lễ nghi, phong hóa dân tộc. Trong một sắc dụ cấm đạo ban hành năm 1848, đời vua Tự Đức ghi: "Đạo Gia Tô trước kia hai vua Minh Mạng và Thiệu Trị đã cấm, thật là một tà đạo, vì ai theo đạo ấy không còn thờ phụng tổ tiên". Trong một đạo dụ khác ban bố năm 1851, vua Tự Đức lại nhấn mạnh: "Đạo Gia Tô là một đạo của Tây, đạo này cấm thờ cúng tổ tiên và bụt thần".

Những tài liệu thành văn trên đây từ phía Giáo hội Công giáo cũng như từ phía nhà nước phong kiến cho thấy khá rõ nét sự không hội nhập của Công giáo Việt Nam với văn hóa dân tộc và với các tôn giáo truyền thống Việt Nam. Điều đó liệu có đúng trên thực tế. Và nếu có sự hội nhập thì từ thời gian nào. Có phải "Tại Việt

Nam những nét sống đạo và suy tư thần học trên hướng giải phóng và hội nhập văn hóa này cũng được manh nha phát triển từ đầu những năm 60, xuyên qua các phong trào thanh niên, sinh viên, thợ thuyền và trí thức, trên hướng hòa bình, độc lập, tự chủ vào đời"<sup>(8)</sup>.

Trả lời câu hỏi trên thật không đơn giản.

Đạo Công giáo ra đời ở Trung Đông trên cơ sở thần học Do Thái giáo và triết học Hy Lạp, đạo trở thành đạo của đế chế La Mã. Phát triển qua Châu Âu, đạo đã trở thành đạo của Châu Âu. Truyền giáo và phát triển đạo ở Việt Nam, Công giáo trên thực tế đã dần dần Việt hóa, vượt ra khỏi cách nhìn, cách ứng xử quan phương, có thể tự ý thức, có thể vô thức, từ đó hình thành sự đa dạng trong lối sống đạo, tạo thành những nghi lễ phụng vụ, diễn tả đức tin Công giáo phù hợp với truyền thống dân tộc. Việt hóa đạo còn thể hiện trong kiến trúc giáo đường, trong điêu khắc, hội họa ...

Trong bài viết này, chúng tôi không có ý định phân kì quá trình hội nhập đạo Công giáo, mà chỉ tập trung vào trình bày một số vấn đề biểu hiện của sự hội nhập. Tuy nhiên những vấn đề trên được trình bày theo trình tự thời gian để thấy được sự vận động, phát triển của sự vật.

## I. HỘI NHẬP GIỮA NHỮNG NGƯỜI KHÁC ĐẠO CÙNG LÀNG, CÙNG NƯỚC.

Đây có lẽ là cơ sở căn bản nhất cho sự hội nhập văn hóa dân tộc của bộ phận Công giáo. Người Công giáo Việt Nam trước hết là người Việt Nam với một bề dày văn hóa và bảo vệ nền độc lập chống lại những quân xâm lược. Thời nào cũng vậy, cũng có những người Công

5. Thư chung gửi bốn đạo Tây Đàng Ngoài tháng 4-1889 viết: "Sự chèo hát là sự thế gian quen lấy làm chơi bời. Song le vốn điều ấy sinh ra nhiều sự chẳng hay vì vậy thầy cả không được đi xem chèo, cũng không được cho phép chèo hát dù trong nhà thầy, dù ngoài làng cũng vậy". Theo *Sách thuật lại các thư chung địa phận Tây Đàng Ngoài*. In tại Kê Sờ 1908, tr. 257.

6. Sđd, tr. 244.

7. Sđd, tr. 258.

8. *Làm thần học từ lòng dân tộc*. Sđd, Tr. 19.

giáo yêu nước chống quân xâm lược, cho dù không được sự ủng hộ của bề trên, cho dù bị tù đầy, bị hi sinh. Lịch sử ghi công những người Công giáo có công như Nguyễn Trường Tộ, nhà cải cách thế kỷ XIX, những linh mục, tu sĩ tham gia phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX của Phan Bội Châu như Mai Lão Bạng, Đâu Quang Lĩnh, Nguyễn Thần Đồng, Nguyễn Văn Cương. Có những người Công giáo theo Đảng Cộng sản ngay từ buổi đầu như Trương Văn Lĩnh, Trần Tử Bình. Trong hai cuộc kháng chiến, số theo kháng chiến chiếm phần đông tiêu biểu như Hồ Ngọc Cẩn, Phạm Bá Trực, Nguyễn Mạnh Hà, Nguyễn Thành Vĩnh, Võ Thành Trinh, Thái Văn Lung... Ở miền Bắc, xuất hiện nhiều tấm gương chiến đấu và sản xuất như lão nông Hà Văn Quận 120 tuổi, như các anh hùng quân đội, các xã anh hùng như Hải Thịnh (Nam Định), Thượng Kiệm (Ninh Bình). Ở miền Nam, phong trào chống Mỹ và tay sai sôi nổi như Ủy ban đòi cải thiện lao tù, Ủy ban cứu đói, Ủy ban bảo vệ quyền lao động... Đặc biệt phải kể Ủy ban liên lạc những người Công giáo yêu Tổ quốc và hòa bình, tiền thân của Ủy ban Đoàn kết Công giáo. Có những người Công giáo gia nhập Đảng Cộng sản, tham gia chính quyền các cấp.

Chính trên cơ sở là người Việt Nam, trong thời bình, người Công giáo sống chung với người khác đạo trong tình xóm làng, tình máu mủ ruột thịt. Không chú ý tới sự cấm đoán từ trên, lợi dụng truyền thống "phép vua thua lệ làng", họ đùm bọc, tương trợ nhau. Việc "gián tòng" các làng Công giáo phần lớn diễn ra hòa bình. Các làng lương, giáo vẫn sống chan hòa. Người bên lương giúp người bên đạo, giữ bát hương tổ tiên, ... Cư dân các tôn giáo truyền thống góp công của xây dựng nhà thờ cho giáo dân. Ngược lại giáo dân cũng lại giúp đỡ trùng tu đình, chùa. Một vài ví dụ: năm Thành Thái thứ 3 (1891), ngày 19 tháng 6 cư dân làng Thanh Phước, xã Hương Phong, huyện Hương Trà (Thừa Thiên Huế) làm tờ thuận kết " cả

lương giáo bốn làng cùng hợp nghị nên đồng thuận sửa chữa chùa"<sup>(9)</sup>. Cũng ở các làng trên, ngày 15 tháng 5 năm Thành Thái thứ 6 (1894), cư dân lương giáo làm tờ thuận trí điền để thiết lập "giáo tộc từ đường"<sup>(10)</sup>. Hầu hết các làng xã mới mở ở Hải Hậu (Nam Định), Kim Sơn (Ninh Bình) đều trích ruộng công tạo nguồn kinh phí cho các tôn giáo. Ruộng của Công giáo gọi là "đạo điền", của bên lương gọi là "thần điền"<sup>(11)</sup>. Riêng đền thờ Nguyễn Công Trứ có đóng góp cả bên lương, bên giáo buổi ban đầu và đến nay hai bên cùng thăm viếng vì ông là người khai hoang lấn biển lập nên hai huyện Kim Sơn, Tiền Hải.

Ngày nay, các lễ hội lương giáo, nhất là bên lương, đều thấy có hiện tượng hai bên tham dự. Trong thực tiễn, với các tín đồ dưới cơ sở, không có sự xích mích, tranh chấp, bài bác. Truyền thống tôn trọng niềm tin của nhau làm cho người dân lương giáo ngày thêm gắn bó. Có chăng sự tranh chấp còn rơi rớt lại ở một số người thuộc các tôn giáo qua những tranh luận trên báo chí, rõ rệt nhất là nhân cuốn *Bước qua ngưỡng cửa hi vọng* của Giáo hoàng Gioan Phaolô II ra đời<sup>(12)</sup>, đáng chú ý là lại diễn ra ở hải ngoại.

Như trên đã trình bày, tín đồ Công giáo Việt Nam, tuy được học giáo lý và nghi thức và cho dù được nhà thờ duy trì rất chặt chẽ, vẫn thực hiện theo tâm thức Việt Nam. Một vài ví dụ: Theo tín lý Công giáo, Đức Maria và các Thánh chỉ được thờ kính và không được ban ơn cho tín đồ. Bà và các Thánh chỉ đóng vai trò trung gian "cầu bầu mà xin ơn Đức Chúa Trời" cho tín hữu. Song trên thực tế, người Công giáo Việt Nam đã chuyển niềm tin Đức Maria như

9. *Tờ thuận định trùng tu chùa làng Thanh Phước* (1891) (bản Hán văn).

10. *Tờ thuận trí điền để thiết lập giáo đường* (1894) (bản Hán văn).

11. Xem :Nguyễn Hồng Dương. *Làng Công giáo Lưu Phương (Ninh Bình) từ năm 1829 đến năm 1945*. Nxb KHXH, Hà Nội, 1997, phần *Các loại hình chiếm hữu ruộng đất*.

12. Gioan Phaolô II. *Bước qua ngưỡng cửa hi vọng* (Crossing the threshold of hope) (bản Việt văn), 1996.

một nữ thần: Che chở, Ban ơn, Sinh sôi. Một số vị thánh (tông đồ và các thánh khác) được chức nghiệp hóa, "quan phòng" một số lĩnh vực thuộc đời sống tinh thần của giáo dân. Đó là không kể các tín đồ Công giáo "còn hướng về những vị thần linh ngoài Kitô giáo để cầu xin"<sup>(13)</sup>.

Đáng chú ý, một người Công giáo - hộ pháp Phạm Công Tắc - đã hòa trộn các giáo lí tôn giáo khác nhau, trong đó có đạo Kitô, lập nên đạo Cao Đài, suy tôn Đức Cao Đài như một Đấng Tối cao đầy quyền năng. Bản thân vị trí Đức Kitô lại ở một vị trí khiêm tốn. Nhưng hệ thống tổ chức Đạo lại bắt chước hệ thống tổ chức của đạo Kitô, với một trung tâm là Tòa thánh Tây Ninh. Ông đạo Dừa - một nhà Tây học - cũng sáng lập ra một đạo trong đó có sự đan xen giữa một bên là đạo Phật, một bên là đạo Kitô, được pha trộn những tín ngưỡng bản địa. Đạo nổi lên ở Bến Tre thời Mỹ-Diệm, nay còn thoi thóp.

Chính vì vậy, trong Hội nghị Thượng hội đồng giám mục Châu Á, các giám mục Việt Nam đã nêu lên ba chủ đề chính:

1- Làm sao nói về Thiên Chúa Cha và Hội thánh trong khung cảnh nền văn hóa xã hội Việt Nam vốn lấy gia đình làm nền tảng.

2- Làm sao nhận ra tác động của Chúa Thánh thần nơi mọi người thành tâm, thiện chí, đặc biệt nơi các tôn giáo bạn.

3- Làm sao để việc tôn kính ông bà, tổ tiên giúp người ta nhận biết Thiên Chúa, và hiểu rõ hơn về đạo hiểu của người Công giáo Việt Nam<sup>(14)</sup>.

Trong hội nghị đó, Hồng y Phaolô Giuse Phạm Đình Tụng, Tổng giám mục Hà Nội và Chủ tịch Hội đồng Giám mục Việt Nam phát biểu: "Chúng ta cần mở rộng đôi mắt, con tim chúng ta để nhìn về những người anh chị em có niềm tin tôn giáo sống quanh chúng ta. Chính với sự kính trọng và thiện cảm mà chúng ta phải bàn về những giáo lí tôn giáo và triết

học khác với giáo lí của chúng ta. Chúng ta phải chấp nhận khám phá ra nơi đó những kho tàng lạ lùng, và chúng ta vui mừng lên vì sự khám phá này. Tôi không muốn chỉ nói về những dòng tư tưởng lớn gần bên chúng ta như Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo, Ấn Độ giáo hoặc Hồi giáo... Dân chúng đông đúc các quốc gia Á Châu biết đến, nhất là những vị thần bình dân của họ, những vị thần của đất đai, của thiên nhiên, những vị thần bảo hộ của các làng mạc. Chúng tôi, những giám mục Việt Nam xác tín rằng: Thật không thể nào loại bỏ một cách tiên thiên những niềm tin trên, dưới danh nghĩa đó là những điều mê tín. Đối với những ai thực hành niềm tin này, thì đây là con đường cụ thể và hàng ngày giúp đỡ họ gần hơn một chút mẫu nhiệm Ông Trời, mẫu nhiệm bao phủ và xâm nhập vào tất cả mọi sự".

Trên cơ sở là người Việt Nam, với một bề dày truyền thống phương Đông, muốn đạo Công giáo đứng trụ và phát triển, không thể không thực hiện "Sống Phúc âm trong lòng dân tộc", nói cách khác, về một phương diện nào đó là chấp nhận giáo dân thực hiện những lễ tín và phong tục ngoài Kitô giáo.

## II. VẤN ĐỀ THỜ CÚNG TỔ TIÊN

Một số tôn giáo như Khổng giáo, Phật giáo... khi truyền bá, phát triển ở Việt Nam chẳng những không bài bác thờ cúng tổ tiên mà còn có sự đan xen, xâm nhập, củng cố.

Trước Công đồng Vatican II, Công giáo Việt Nam không chấp nhận thờ cúng tổ tiên<sup>(15)</sup>. Điều 1, trong Mười điều răn đạo đức Chúa Trời ghi: *Thờ phượng một Đức Chúa Trời và kính mến Người trên hết mọi sự.*

Người dân Việt Nam muốn theo đạo Công

13. Đặng Nghiêm Vạn (chủ biên). *Những vấn đề lí luận và thực tiễn tôn giáo ở Việt Nam*. Nxb KHXH, 1998, tr. 253.

14. *Thư mục vụ của Hội đồng Giám mục Việt Nam* (17-10-1998).

15. Thờ cúng tổ tiên ở đây cần hiểu theo nghĩa rộng như thờ tổ nước (Vua Hùng), tổ làng, tổ nghề, tổ họ tộc và ông bà cùng người ruột thịt qua đời.

giáo trước tiên phải từ bỏ thờ cúng tổ tiên. Đây là một cửa ải không dễ gì ai cũng vượt qua. Với người dân Việt Nam, thờ cúng tổ tiên đã là "đạo" - đạo Hiếu - đạo Ông Bà. Ai đó bất hiếu, ai đó bỏ đạo Ông Bà tất sẽ bị cộng đồng lên án với những hình thức nặng nề.

Vấn đề thờ cúng tổ tiên diễn ra theo hai con đường: quan phương và phi quan phương.

1- *Con đường quan phương* diễn ra từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XX kéo theo sự quan tâm của hơn chục vị giáo hoàng trên nhiều ngả với những cuộc tranh luận giữa các thừa sai thuộc các dòng truyền giáo khác nhau. Trong khi các linh mục dòng Tên ở Trung Quốc không lên án cúng tế Khổng Tử và ông bà ông vải, thì các thừa sai Pháp ở Việt Nam lại phản đối quyết liệt vì cho rằng những nghi lễ ấy là rối đạo, không khác gì lễ nghi thờ Bụt, thờ Thần. Vì vậy Giáo sĩ Flory - bề trên của các thừa sai Pháp ở miền Nam - đã bị Giám mục Alexandre rút phép Thông công.

Tạm ngưng vào nửa đầu thế kỷ XVIII, vấn đề thờ cúng tổ tiên lại được bàn trở lại vào nửa đầu thế kỷ XX. Ngày 8 tháng 12 năm 1939, Thánh bộ Truyền giáo La Mã ban hành Huấn dụ Plane Compertum est nói về lễ nghi Trung Hoa. Huấn dụ này bãi bỏ hai tông chiếu ban bố thời Giáo hoàng Clemente XI<sup>(16)</sup> và Giáo hoàng Benedicto XIV<sup>(17)</sup>. Tiếp theo, Giáo hoàng Pie XII ban hành Sắc lệnh Summi Pontificatus công nhận những nghi lễ thờ cúng tổ tiên không phải là những nghi lễ đích danh tôn giáo, mà chỉ là biểu thị lòng sùng bái chính đáng đối với những bậc tài đức trong nước cũng như lòng hiếu thảo đối với người quá cố.

Theo tinh thần Huấn thị Plane Compertum est áp dụng ở Trung Hoa, Hội đồng Giám mục Việt Nam xin theo và đến ngày 20-10-1964 được Tòa thánh chấp nhận.

Song, trên thực tế vấn đề thờ cúng tổ tiên chỉ thực sự theo con đường quan phương từ

sau Công đồng Vatican II (1962-1965)<sup>(18)</sup>. Dựa trên tinh thần của Công đồng Vatican II, ngày 14-1-1974, các giám mục Việt Nam ra thông báo, quy định cho người Công giáo Việt Nam được tổ chức và tham dự các nghi lễ tôn kính ông bà tổ tiên theo phong tục Việt Nam<sup>(19)</sup>.

Năm 1998, trong Hội nghị Thượng hội đồng giám mục Châu Á họp tại La Mã, một số giám mục Việt Nam đã có bài tham luận bàn về vấn đề thờ cúng tổ tiên. Có thể nói vấn đề này hiện vẫn đang còn là đề tài nóng bỏng.

## 2- Con đường phi quan phương.

16. Giáo hoàng Clemente XI (1700 - 1721) tổ chức một hội nghị thành phần gồm hai vị giám mục truyền giáo ở Trung Hoa, các đại diện dòng Tên, dòng Đa Minh cùng các giáo sĩ truyền giáo khác. Hội nghị kết thúc bằng một bản nghị quyết do Tòa Điều tra đưa ra với 4 nội dung:

- 1- Cấm dùng chữ THIÊN hoặc THUỶ ĐẾ để chỉ Thiên Chúa.
- 2- Cấm treo trong thánh đường những tấm bảng có ghi hai chữ KÍNH THIÊN.
- 3- Cấm cúng tế Khổng Tử, ông bà, cha mẹ.
- 4- Cấm đặt bài vị trong nhà riêng.

Bản nghị quyết của Tòa Điều tra được Giáo hoàng Clemente XI chấp nhận trong Tông hiến đề ngày 20-11-1704. Giáo hoàng buộc các giám mục và linh mục thuộc bất kể dòng truyền giáo nào đều phải tuân theo, kiên quyết không chấp nhận bất kỳ sự khiếu nại nào. Sau đó Giáo hoàng Clemente XI ban hành Tông chiếu Exilladie đề ngày 19-3-1715, nhắc lại hai Tông hiến 1704 và 1710 và Sắc lệnh Nam Kinh 1707 phạt vạ tuyệt thông những ai không tuân phục Tòa thánh La Mã về những lễ nghi đã bị bác bỏ, buộc các thừa sai ở phương Đông (trong đó có Việt Nam) phải tuyên thệ trung thành với Tòa thánh La Mã trong việc này.

17. Khi lên ngôi, Giáo hoàng Benedicto XIV (1740 - 1758) thấy cần phải chấm dứt tận gốc vấn đề thờ cúng tổ tiên đã ban hành Tông chiếu Exquo đề ngày 11-7-1742 truyền phải tuân theo Tông chiếu Exilladie (1715), phạt vạ tuyệt thông tất cả những ai bất tuân. Vạ này chỉ Giáo hoàng mới được tha, trừ trường hợp nguy kịch đến tính mệnh. Cuộc tranh luận về vấn đề thờ cúng tổ tiên đến đây chấm dứt.

18. Công đồng Vatican II nhấn mạnh đến sự hiệp thông với người quá cố như sau: "Tất cả những ai thuộc về chúa Kitô và nhận lãnh Thánh Thần, đều hợp thành một giáo hội duy nhất và liên kết với nhau trong Ngài (Ep 4,16). Bởi vậy, sự hiệp nhất giữa người còn sống dương thế với các anh em đã yên nghỉ trong an bình Chúa Kitô không hề bị gián đoạn. Nhưng trái lại, giáo hội xưa nay luôn tin rằng sự hiệp nhất đó còn được vững mạnh hơn nhờ việc truyền thông cho nhau những của cải thiêng liêng. Nhận biết đúng đắn sự hiệp thông này trong toàn nhiệm thể Chúa Giêsu Kitô, ngay từ buổi đầu của Kitô giáo, giáo hội lễ hành hết lòng kính nhớ dâng lời cầu cho người đã chết. Vì: "Cầu nguyện cho người chết để họ được giải thoát khỏi tội lỗi là một ý nghĩa lành thánh" (2- Macabê 12, 46) (GH 49 - 50).

19. Bản thông báo gồm 5 điểm, quy định cho giáo dân được đặt bàn thờ tổ tiên nhưng phải thấp hơn bàn thờ Chúa (điều 1); được đốt đèn, nhang, vái lạy trước bàn thờ tổ tiên (điều 2); được cúng giỗ trong gia đình theo phong tục tổ tiên (điều 3); có dâu, chú rể được làm lễ tổ, lễ gia tiên (điều 4); trong tang lễ được vái lạy trước thi hài người quá cố, được làm một số nghi lễ đối với người qua đời (điều 5).

Tài liệu thu thập của chúng tôi cho thấy vượt ra khỏi sự cảm đoán ngặt nghèo của Giáo hội, người dân Việt - tín đồ Công giáo - đã tham gia thờ cúng tổ tiên với từng cấp độ, mức độ khác nhau. Bao gồm:

- *Thờ cúng người có công mở đất, lập làng* (khai canh, khai khẩn) thấy ở một số làng Công giáo thuộc huyện Kim Sơn như làng Công giáo Lưu Phương<sup>(20)</sup>, làng Công giáo Văn Hải. Ở xứ đạo An Vân thành phố Huế, đến ngày giỗ vị khai canh của làng, giáo dân đến tham dự.

- *Thờ cúng tổ nghề*: Ở xứ đạo Tân Thủy (Cồn Hến) thuộc thành phố Huế nơi có nghề xúc hến. Ngày giỗ tổ nghề phường giang hến giáo dân của xứ đến tham dự đông đủ. Ở một số xứ đạo ven biển miền Trung Trung Bộ, giáo dân tham dự ngày lễ cúng cá Ông, vị thần bảo trợ cho nghề đi biển, thí dụ như ở xứ An Bằng huyện Phú Vang tỉnh Thừa Thiên Huế<sup>(21)</sup>.

- *Thờ cúng họ tộc, ông bà, cha mẹ, người thân qua đời* là nội dung cơ bản của đạo thờ Tổ tiên của người Công giáo. Theo điều tra của Viện Nghiên cứu Tôn giáo, số người Công giáo được hỏi ở thành phố Hồ Chí Minh thực hiện thờ cúng tổ tiên lên đến 88,9% (1993) cao hơn cả bộ phận không Công giáo, ở Huế là 87,4%, ở Hà Nội là 64,21% do chưa thấm nhuần tinh thần Công đồng Vatican II<sup>(22)</sup>. Một cuộc điều tra do một người Công giáo tiến hành cho thấy tỉ lệ cao hơn nhiều. 100% người Công giáo ở Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Quy Nhơn, Xuân Lộc, Cần Thơ, Đà Lạt thấy vẫn thờ tổ tiên. Số tin tổ tiên phù hộ là 94,3%, tin cần cầu xin tổ tiên là 92,1%. Số có bàn thờ đặt trong nhà là 84,5%, có thấp nhang 75,5%, đặt hoa quả thường xuyên 22%. Cung cách thờ cúng tổ tiên có điểm khác bên không Công giáo<sup>(23)</sup>.

Khi tín đồ qua đời, nhà xứ sẽ rung chuông (nếu là chuông Tây - chuông kéo dây) hoặc gõ chuông (nếu là chuông Nam) gọi là chuông sấu, chuông tử hay chuông sinh thì. Chuông

rung nhịp ba buồn tẻ. Ở nhiều xứ đạo thuộc vùng đồng bằng Bắc Bộ, nếu người qua đời là nam giới chuông sẽ rung (hoặc gõ) ba hồi bảy tiếng: theo quan niệm ba hồn bảy vía. Nếu người qua đời là nữ giới, chuông sẽ rung (hoặc gõ) ba hồi chín tiếng theo quan niệm ba hồn chín vía. Người Công giáo cũng thực hiện thờ cúng người quá cố theo hình thức ba ngày đi thăm mộ cầu kinh, bốn chín ngày (lễ và đọc kinh cầu nguyện), một trăm ngày, tiểu tường (giỗ đầu), đại tường (giỗ hết).

Sau ba năm có thể cải táng hoặc không. Hàng năm đến ngày giỗ, thân chủ người qua đời có thể có hai hình thức tưởng niệm. Đó là xin lễ cầu hồn hoặc xin kinh. Lễ cầu hồn là hình thức tưởng niệm trang trọng, một sự lặp lại của buổi tang lễ như đã tổ chức trước đây. Xin kinh đơn giản hơn, đó chỉ là hình thức đọc kinh cầu nguyện của cộng đoàn tín đồ sau thánh lễ cho người qua đời.

Ngoài việc thực hiện nghi lễ ở nhà thờ, tín đồ Công giáo còn thực hiện tổ chức lễ giỗ người qua đời tại nhà. Lễ giỗ có thể làm cỗ bàn ăn uống sau khi đọc kinh, cũng có thể chỉ là đọc kinh cầu nguyện cho linh hồn người qua đời.

Đối với những người không có con trai, để lo việc cúng giỗ cầu nguyện hàng năm, trước khi qua đời, người quá cố thường nghĩ đến chuyện "Cúng hậu" vào nhà thờ Công giáo để nhà thờ lo lễ nguyện. Cúng hậu dưới các hình thức tiền, vàng, ruộng đất cho nhà xứ. Tùy theo số tài sản mà hình thức lễ nguyện có thể là cầu hồn hoặc xin kinh. Hai hình thức trên có thể chỉ diễn ra trong một vài năm hoặc diễn ra mãi mãi gọi là cúng hậu bất tuyệt.

20. Xem: Nguyễn Hồng Dương. *Làng Công giáo Lưu Phương (Ninh Bình)*... Sđd, tr. 197.

21. Đó chỉ là những dẫn chứng cụ thể mà chúng tôi thu thập được qua những chuyến đi điền dã.

22. Số liệu điều tra Viện Nghiên cứu Tôn giáo (1992-1995).

23. Luận văn tốt nghiệp của Phạm Thị Bích Hằng, 1998. *Vấn đề thờ kính tổ tiên trong nền văn hóa đương đại Việt Nam*.

Việc cúng hậu ở xứ, họ đạo, làng Công giáo có từ bao giờ đến nay chưa đủ tài liệu để trả lời chắc chắn. Tài liệu thành văn mà chúng tôi thu thập được là tấm bia LẬP HẬU BI KÝ ở xứ đạo Phùng Khoang (Trung Văn - Từ Liêm, Hà Nội). Bia lập năm Thành Thái ngũ niên, thập nguyệt, sơ lục nhật (ngày 6 tháng 10 năm Thành Thái thứ 5 - 1893). Bia viết về việc cúng hậu của bà Vũ Thị Lý, quê thôn Tiết Mỹ, tổng Thanh An, huyện Phúc Lâm, phủ Thọ Xương cúng hậu vào nhà thờ. Hàng năm đến mùa đông (tháng 10 ngày 20 là ngày giỗ của bà Lý), hai giáp đạo của xứ đạo Phùng Khoang phải xin lễ (bàn thờ) theo lệ.

Cũng tấm bia trên phần cuối khắc bằng chữ quốc ngữ nói về việc cúng hậu của bà Vũ Thị Lãng số nhà 10 phố Hàng Tre, Hà Thành hộ thứ ba (?). Bia khắc ngày 5-7-1927.

Như vậy, ít nhất vào cuối thế kỉ XIX ở xứ, họ đạo, làng Công giáo đã có hình thức cúng hậu vào nhà thờ Công giáo. Từ cuối thế kỉ XIX, ngày càng xuất hiện nhiều người nộp tiền của, đất đai vào nhà thờ để xin lễ hậu. Người không có con trai cúng hậu để nhà thờ cúng giỗ khi qua đời đã đành, người có con trai cũng lo cúng hậu. Con trai người quá cố đem ruộng đất, hương hỏa của cha mẹ để lại đem cúng hậu để lễ giỗ cha mẹ (hoặc ông bà) được tổ chức trang trọng nơi nhà thờ. Cũng có khi xứ, họ đạo cần tiền xây nhà thờ, nhà nguyện, người ta nộp tiền vào đó coi như cúng hậu. Trải thời gian, cúng hậu đã trở thành vấn đề mà không chỉ linh mục, giám mục mà cả Tòa thánh La Mã quan tâm. Chẳng hạn, phải có sổ sách ghi tên tuổi người cúng hậu, người đó xin cúng hậu cho những ai, lễ cầu vào ngày tháng nào. Vấn đề nhận, nộp, quản lí tài sản cúng hậu ra sao ? ...

Năm 1905, Phêrô Maria Đông, Giám mục địa phận Tây Đàng Ngoài ra thư chung quy định về cách thức xin lễ hậu<sup>(24)</sup>. Năm 1905, Tòa

thánh La Mã ban sắc, truyền về lễ hậu. Phần mở đầu, bản văn viết: "Ai nấy đã tin thật việc tế lễ Misa, việc cầu nguyện có sức mạnh mà giúp đỡ linh hồn kẻ qua đời, cho nên người nào lo liệu trước mà để lại của cải có ý xin lễ hậu cho mình được nhờ khi chết rồi là điều thật phải đáng khen.

Vậy trong địa phận ta có hai thứ lễ hậu, một là lễ hậu phải làm một lần hay là phải làm hạn mấy năm thì hết... Lại có một thứ lễ hậu khác gọi là lễ hậu bất tuyệt phải làm hàng năm mãi mãi... Thứ lễ hậu bất tuyệt ấy là can hệ lắm vì chỉ khi đã nhận rồi thì buộc phải làm lễ mãi y như lời đã giao kết với nhau"<sup>(25)</sup> Phần nội dung, bản văn quy định cụ thể, chi tiết về cách thức nhận, cấm nhận lễ hậu bất tuyệt, thủ tục nhận...<sup>(26)</sup>

Ngày 18 tháng 9 năm 1906, Giám mục Phêrô Maria Đông lại ra thư chung nói về lễ hậu bất tuyệt với 5 điểm quy định về việc dâng tiền của, ruộng đất, về quản lí và sổ sách ghi chép<sup>(27)</sup>.

Cúng hậu cho chùa để khi qua đời nhà chùa đọc kinh tụng niệm cho linh hồn người qua đời siêu thoát là một nghi lễ của người Việt, nhưng đã có ảnh hưởng sâu đậm đối với người Công giáo. *Ảnh hưởng sâu đậm không chỉ được thể hiện trong hành vi, trong nghi thức mà nó dần dần hình thành một đời sống tâm linh hòa nhập với người Việt không Công giáo.* Đó là quan niệm về mối quan hệ giữa người sống và người chết, quan niệm về hồn, vía, là những hình thức giỗ chạp, là những giọng điệu hát kinh, cầu kinh cho người qua đời.

(Kì sau đăng tiếp)

24. Sách thuận lại các thư chung địa phận Tây Đàng Ngoài. In tại Kê Sở năm 1908, tr. 197.

25. Sđd, tr. 356.

26. Xem: Sđd, tr. 356-359.

27. Xem: Sđd, tr.359-363.